

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

về thành lập, chia tách, sáp nhập, đổi tên khu phố, ấp
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn - tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 404 /TTr-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sắp xếp khu phố, ấp trên địa bàn Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 169/BC-HĐND ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thực hiện thành lập, chia tách, sáp nhập, đổi tên (gọi chung là sắp xếp) khu phố, ấp trên địa bàn Thành phố như sau:

1. Thành phố Thủ Đức sắp xếp 199 khu phố thành 644 khu phố mới (Phụ lục I).

2. Quận 1 sắp xếp 66 khu phố thành 98 khu phố mới (Phụ lục II).
3. Quận 3 sắp xếp 63 khu phố thành 112 khu phố mới (Phụ lục III).
4. Quận 4 sắp xếp 51 khu phố thành 78 khu phố mới (Phụ lục IV).
5. Quận 5 sắp xếp 99 khu phố thành 85 khu phố mới (Phụ lục V).
6. Quận 6 sắp xếp 74 khu phố thành 106 khu phố mới (Phụ lục VI).
7. Quận 7 sắp xếp 53 khu phố thành 212 khu phố mới (Phụ lục VII).
8. Quận 8 sắp xếp 97 khu phố thành 202 khu phố mới (Phụ lục VIII).
9. Quận 10 sắp xếp 79 khu phố thành 116 khu phố mới (Phụ lục IX).
10. Quận 11 sắp xếp 63 khu phố thành 115 khu phố mới (Phụ lục X).
11. Quận 12 sắp xếp 80 khu phố thành 339 khu phố mới (Phụ lục XI).
12. Quận Bình Tân sắp xếp 130 khu phố thành 366 khu phố mới (Phụ lục XII).
13. Quận Bình Thạnh sắp xếp 89 khu phố thành 271 khu phố mới (Phụ lục XIII).
14. Quận Gò Vấp sắp xếp 186 khu phố thành 306 khu phố mới (Phụ lục XIV).
15. Quận Phú Nhuận sắp xếp 60 khu phố thành 93 khu phố mới (Phụ lục XV).
16. Quận Tân Bình sắp xếp 117 khu phố thành 212 khu phố mới (Phụ lục XVI).
17. Quận Tân Phú sắp xếp 68 khu phố thành 237 khu phố mới (Phụ lục XVII).
18. Huyện Bình Chánh sắp xếp 05 khu phố, 101 ấp thành 13 khu phố, 400 ấp mới (Phụ lục XVIII).
19. Huyện Cần Giờ sắp xếp 05 khu phố, 28 ấp thành 05 khu phố, 43 ấp mới (Phụ lục XIX).
20. Huyện Củ Chi sắp xếp 08 khu phố, 170 ấp thành 13 khu phố, 292 ấp mới (Phụ lục XX).
21. Huyện Hóc Môn sắp xếp 08 khu phố, 79 ấp thành 09 khu phố, 353 ấp mới (Phụ lục XXI).
22. Huyện Nhà Bè sắp xếp 04 khu phố, 26 ấp thành 22 khu phố, 119 ấp mới (Phụ lục XXII).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết:

a) Chỉ đạo kiện toàn, đảm bảo tổ chức, hoạt động của các khu phố, ấp mới theo quy định pháp luật; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn thực hiện việc kiện toàn đồng bộ các tổ

chức trong hệ thống chính trị đảm bảo đúng quy định; tổ dân phố, tổ nhân dân chấm dứt hoạt động khi Nghị quyết này có hiệu lực.

b) Chỉ đạo các sở, ngành Thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính kịp thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân nơi có khu phố, ấp được sắp xếp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức thành viên phổ biến, thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, phản ánh những vấn đề cần điều chỉnh bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X, kỳ họp thứ mười bốn, thông qua ngày 14 tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2024./.

Nơi nhận:

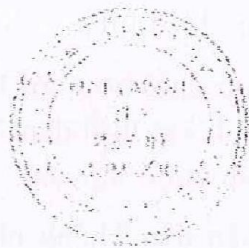
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN Thành phố;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố: CVP/PVP;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Văn phòng UBND Thành phố;
- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố;
- HĐND - UBND thành phố Thủ Đức, huyện Bình Chánh, Cần Giờ, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè;
- UBND 16 quận;
- Lưu VT (Phòng CTHĐND – yển).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

Đang chờ xử lý...



Đang chờ xử lý...

Đang chờ xử lý...

Đang chờ xử lý...

Đang chờ xử lý...



Đang chờ xử lý...

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
55	Áp Trung Đông 2 (Tổ nhân dân 56, 81, 82, 83)	Tổ nhân dân 56	91	Áp 56	393	
		Tổ nhân dân 81	141			
		Tổ nhân dân 82	82			
		Tổ nhân dân 83	79			
11. Xã Đông Thạnh						
1	ÁP 1 (một phần Tổ nhân dân 1, 2) ÁP 6 (một phần Tổ nhân dân 13)	Một phần Tổ nhân dân 1 (Từ nhà số 35 Đặng Thúc Vịnh đến Trường TH Thới Thạnh đường Đặng Thúc)	185	ÁP 1	354	
		Một phần Tổ nhân dân 2 (Từ nhà số 327 đường Đặng Thúc Vịnh đến nhà 361/17 đường Nguyễn Thị Pha)	96			
		Một phần tổ 13 (áp 6) (Từ nhà số 335 đường Đặng Thúc Vịnh đến nhà số 447 đường Đặng Thúc Vịnh)	73			
2	ÁP 1 (Tổ 15,16, một phần tổ	Tổ nhân dân 15	78	ÁP 2	352	
		Tổ nhân dân 16	150			

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	3, một phần tổ 6)	Một phần tổ 3 (Từ Trụ sở ấp 1 số 22 đường ĐT 2-3 đến nhà số 368/80 đường ĐT 2-3)	84			
		Một phần Tổ nhân dân 6 (Từ nhà số 366 đường Đặng Thúc Vịnh đến Trụ sở ấp 1 số 22 đường ĐT 2-3)	40			
3	ẤP 1 (Tổ nhân dân 7, 17, một phần tổ 5, 14, 6)	Tổ nhân dân 7	123	ẤP 3	355	
		Tổ nhân dân 17	118			
		Một phần Tổ nhân dân 5 (Từ nhà số 386/8 đường ĐT 1-5 đến nhà số 3/24 đường ĐT 2-3-1)	27			
		Một phần Tổ nhân dân 14 (Từ nhà số 6/2 Đường Đặng Thúc Vịnh đến nhà số 450/62 đường Nguyễn Thị Ngâu)	34			

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Một phần tổ 6 (Từ nhà số 3/11 đường ĐT 1-5 đến nhà số 3/20 đường ĐT 3-2-1)	53			
4	ẤP 1(Một phần tổ 5, một phần tổ 14, tổ 8)	Một phần tổ 5(Từ nhà số 3/78 đường ĐT 2-3-1 đến nhà số 3/10E đường Nguyễn Thị Diệp)	64	ẤP 4	356	
		Một phần tổ 14 (Khu trồng rau muống Bên Gò Trại (không có nhà))	42			
		Tổ nhân dân 8	250			
5	ẤP 1 (Tổ 4, 10, một phần tổ 3, một phần tổ 9)	Tổ nhân dân 4	145	ẤP 5	354	
		Tổ nhân dân 10	140			
		Một phần tổ 3 (Từ nhà số 4/27B đường ĐT 2-3 đến nhà số 4/2B đường ĐT 2-3)	19			

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Một phần tổ 9 (Từ nhà số 5/22 đường Nguyễn Thị Diệp đến nhà số 5/65 đường Nguyễn Thị Diệp)	50			
6	ÁP 1 (Một phần tổ 9, tổ 11, 13)	Một phần tổ 9 (Từ nhà số 5/33/21/1 đường Nguyễn Thị Diệp đến nhà số 5/45 đường Nguyễn Thị Diệp)	53	Áp 6	358	
		Tổ nhân dân 11	157			
		Tổ nhân dân 13	148			
7	ÁP 1 (Tổ 12, 18, 19)	Tổ nhân dân 12	89	Áp 7	353	
		Tổ nhân dân 18	79			
		Tổ nhân dân 19	185			
8	Áp 2 (Một phần tổ 2 (ấp 1), Tổ 1, 2, 3, tổ 13)	Một phần tổ 2 (ấp 1) (Từ nhà số 323 đường Đặng Thúc Vịnh đến nhà số 4/6 đường Đặng Thúc Vịnh)	10	Áp 8	355	
		Tổ nhân dân 1	96			
		Tổ nhân dân 2	97			
		Tổ nhân dân 3	24			

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Tổ nhân dân 13	128			
9	Áp 2 (tổ 4, tổ 5, tổ 14)	Tổ nhân dân 4	195	Áp 9	355	
		Tổ nhân dân 5	67			
		Tổ nhân dân 14	93			
10	Áp 2 (Tổ 15, 16, 17, một phần tổ 7 (áp 6))	Tổ nhân dân 15	80	Áp 10	351	
		Tổ nhân dân 16	132			
		Tổ nhân dân 17	106			
		Một phần tổ 7 (áp 6) (Từ nhà 3/12 đường ĐT 2-6 đến nhà số 514/67 cuối Đường ĐT3- 3)	33			
11	Áp 2 (Tổ 7, 18, 19)	Tổ nhân dân 7	208	Áp 11	352	
		Tổ nhân dân 18	67			
		Tổ nhân dân 19	77			
12	Áp 2 (Tổ 9, 21, 22)	Tổ nhân dân 9	101	Áp 12	353	
		Tổ nhân dân 21	116			
		Tổ nhân dân 22	136			
13	Áp 2 (Tổ 8, 11)	Tổ nhân dân 8	255	Áp 13	352	
		Tổ nhân dân 11	97			
14	Áp 2 (Tổ 10, 20)	Tổ nhân dân 10	190	Áp 14	351	
		Tổ nhân dân 20	161			
15	Áp 2 (Tổ 12, tổ 23)	Tổ nhân dân 12	119	Áp 15	354	
		Tổ nhân dân 23	235			
16	Áp 3 (Tổ 1, 2, 3, MP tổ 4,	Tổ nhân dân 1	63	Áp 16	359	
		Tổ nhân dân 2	82			

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	MP tổ 5)	Tổ nhân dân 3	132			
		một phần tổ 4 (từ nhà số 4/26 đường ĐT03 đến cuối đường chùa Bửu Minh, đến rạch Bà Mến)	59			
		một phần tổ 5 (Từ hộ số 44/17 đường Võ Thị Đầy đến nhà số 9/25 đường Đặng Thúc Vịnh, vào đường ĐT3 đến nhà số 3/4)	23			
17	Áp 3 MP tổ 4, MP tổ 5, tổ 6, tổ 7, MP tổ 12, MP tổ 13)	một phần tổ 4 (từ nhà số 8/22B đường ĐT3A đến nhà số 7/27 đường ĐT 3, đến rạch Bà Mến.)	23	Áp 17	358	

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		một phần tổ 5 (Từ nhà số 2/8A đường Đặng Thúc Vĩnh đến nhà số 10/7 đường Đặng Thúc Vĩnh, vào đường ĐT3 đến nhà số 3/6)	66			
		Tổ nhân dân 6	86			
		Tổ nhân dân 7	91			
		Một phần tổ 12 (Từ hộ nhà số 3/9C Đặng Thúc Vĩnh đến nhà số 9/9 Đặng Thúc Vĩnh, đến đất Huỳnh Văn Bảy)	52			
		Một phần tổ 13 (Từ đồng mã của hộ Nguyễn Thị Dùm địa chỉ 6/4 đường DT03A đến Nguyễn Thị Nhằm địa chỉ 7/6B cuối đường DT03A đến rạch Bà Mến.)	40			

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
18	Áp 3 (Tổ 8, 14, một phần tổ 13)	Tổ nhân dân 8	111	Áp 18	353	
		Tổ nhân dân 14	142			
		Một phần tổ 13 (Từ nhà số 100/3/3 đường ĐT7, đến đường ĐT7-1 và ĐT7-1- 1, để hộ Trần Văn Hòa.)	100			
19	Áp 3 (Khu 367, một phần tổ 11, một phần tổ 12, tổ 20)	Khu 367	154	Áp 19	359	
		Một phần tổ 11 (Từ nhà số 101 Trịnh Thị Dối đến đất trống đầu đường ĐT347, đến cuối hẻm nhà Nguyễn Thị Cúc, đến nhà số 145/57/21)	19			
		Một phần tổ 12 (Từ công ty TNHH Minh Sáu đến nhà số 103 Đặng Thúc Vịnh, đến nhà số 101/38 Trịnh Thị Dối)	38			
		Tổ nhân dân 20	148			

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
20	Áp 3 (Một phần tổ 11, tổ 19, tổ 10)	Một phần tổ 11 (Từ nhà số 10/9 Trịnh Thị Dối đến quán cà phê H88, đến nhà số 146/5 đường ĐT12)	135	Áp 20	354	
		Tổ nhân dân 19	97			
		Tổ nhân dân 10	122			
21	Áp 3 (Tổ 16, một phần tổ 17, một phần 15)	Tổ nhân dân 16	250	Áp 21	353	
		Một phần tổ 17 (Từ bãi cát đến nhà số 86 Bùi Công Trường, đến nhà số 87/6N, đến đất trống của hộ Trần Văn Mười)	58			
		Một phần tổ 15 (Từ cạnh đất của ông Trần Văn Thảo địa chỉ 1/6 đến rạch Bà Mển)	45			
22	Áp 3 (Tổ 18, một phần tổ 15, tổ 9, một phần tổ 17)	Tổ nhân dân 18	68	Áp 22	358	
		Một phần tổ 15 (Từ đồng mã cuối đường ĐT7-1-1, đến rạch Bà Mển, đến góc nhà Phan văn Phước số nhà 8/18)	137			

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Tổ nhân dân 9	108			
		Một phần tổ 17 (Từ nhà số số 5/29B ĐT20A đến hộ Nguyễn Thị Phụng địa chỉ 20/5A đường ĐT20.)	45			
23	Áp 4 (Tổ 1, 2, 3, 4, 5)	Tổ nhân dân 1	68	Áp 23	364	
		Tổ nhân dân 2	94			
		Tổ nhân dân 3	62			
		Tổ nhân dân 4	94			
		Tổ nhân dân 5	46			
24	Áp 4 (Tổ 6, 7, 8, 25)	Tổ nhân dân 6	72	Áp 24	356	
		Tổ nhân dân 7	71			
		Tổ nhân dân 8	87			
		Tổ nhân dân 25	126			
25	Áp 4 (Tổ 9, 10, 11)	Tổ nhân dân 9	109	Áp 25	361	
		Tổ nhân dân 10	101			
		Tổ nhân dân 11	151			
26	Áp 4 (Tổ 12, 14, 16)	Tổ nhân dân 12	131	Áp 26	358	
		Tổ nhân dân 14	139			
		Tổ nhân dân 16	88			
27	Áp 4 (Tổ 13, 15, 19)	Tổ nhân dân 13	118	Áp 27	358	
		Tổ nhân dân 15	125			
		Tổ nhân dân 19	115			
28	Áp 4 (Tổ 17, 18, 20)	Tổ nhân dân 17	108	Áp 28	357	
		Tổ nhân dân 18	102			
		Tổ nhân dân 20	147			

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
29	Áp 4 (Tổ 21, 22, 23, 24)	Tổ nhân dân 21	77	Áp 29	362	
		Tổ nhân dân 22	69			
		Tổ nhân dân 23	78			
		Tổ nhân dân 24	138			
30	Áp 5 (Tổ 1, 2, 3, 19, 20)	Tổ nhân dân 1	102	Áp 30	361	
		Tổ nhân dân 2	128			
		Tổ nhân dân 3	56			
		Tổ nhân dân 19	39			
		Tổ nhân dân 20	36			
31	Áp 5 (Tổ 4, 5, 9, 10)	Tổ nhân dân 4	67	Áp 31	356	
		Tổ nhân dân 5	151			
		Tổ nhân dân 9	73			
		Tổ nhân dân 10	65			
32	Áp 5 (Tổ 6, 7, 8, 21)	Tổ nhân dân 6	86	Áp 32	351	
		Tổ nhân dân 7	154			
		Tổ nhân dân 8	54			
		Tổ nhân dân 21	57			
33	Áp 5 (Tổ 11, 12, 13)	Tổ nhân dân 11	86	Áp 33	354	
		Tổ nhân dân 12	148			
		Tổ nhân dân 13	120			
34	Áp 5 (Tổ 14, 15, 16, 26, 27)	Tổ nhân dân 14	60	Áp 34	352	
		Tổ nhân dân 15	130			
		Tổ nhân dân 16	82			
		Tổ nhân dân 26	37			
		Tổ nhân dân 27	43			
35	Áp 5 (Tổ 17, 18, 28, 29)	Tổ nhân dân 17	127	Áp 35	354	
		Tổ nhân dân 18	126			
		Tổ nhân dân 28	48			

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Một phần tổ 29 (từ nhà số 41/49 đến nhà số 221/71 tổ 29)	53			
36	Áp 5 (Tổ 22, 23, 24, 25)	Tổ nhân dân 22	101	Áp 36	353	
		Tổ nhân dân 23	66			
		Tổ nhân dân 24	64			
		Tổ nhân dân 25	122			
37	Áp 5 (Tổ 31, 32, 33)	Tổ nhân dân 31	65	Áp 37	353	
		Tổ nhân dân 32	142			
		Tổ nhân dân 33	146			
38	Áp 5 (Tổ 30, 35, một phần tổ 36, một phần tổ 29)	Tổ nhân dân 30	184	Áp 38	352	
		Tổ nhân dân 35	109			
		Một phần tổ 36 (từ nhà số 221/78 đến nhà số 205/79 tổ 36)	20			
		Một phần tổ 29 (từ nhà số 41/147 đến nhà số 221/200 tổ 29)	39			
39	Áp 5 (Tổ 34, một phần tổ 36, tổ 37, một phần tổ 40, tổ 41)	Tổ nhân dân 34	65	Áp 39	354	
		Một phần tổ 36 (từ nhà số 221/76 đến nhà số 205/73 tổ 36)	115			
		Tổ nhân dân 37	73			

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Một phần tổ 40 (từ nhà số 205/51A đến nhà số 205/53 tổ 40)	26			
		Tổ nhân dân 41	75			
40	Áp 5 (Tổ 38, 39, một phần tổ 40, một phần tổ 5 (áp 7))	Tổ nhân dân 38	83	Áp 40	353	
		Tổ nhân dân 39	105			
		Một phần tổ 40(từ nhà số 89 đến nhà số 89A tổ 40)	107			
		Một phần tổ 5 (áp 7) (từ nhà số 205/56 8A đến nhà số 205/56 tổ 5 áp 7)	58			
41	Áp 6 (Tổ 1, 3, 18, tổ 6 (áp 2))	Tổ nhân dân 1	95	Áp 41	351	
		Tổ nhân dân 3	99			
		Tổ nhân dân 18	77			
		Tổ nhân dân 6 (áp 2)	80			
42	Áp 6 (tổ 7, 17)	Tổ nhân dân 7	200	Áp 42	352	
		Tổ nhân dân 17	152			
43	Áp 6 (Tổ 8, 21)	Tổ nhân dân 8	140	Áp 43	351	
		Tổ nhân dân 21	211			
44	Áp 6	Tổ nhân dân 12	167	Áp 44	353	

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	(Tổ 12, một phần tổ 13)	Một phần Tổ 13 (449/40/87 Nguyễn Thị Sáng đến 435 Nguyễn Thị Sáng	186			
45	Áp 6 (một phần tổ 13, tổ 22)	Một phần Tổ 13 (64 Nguyễn Thị Sáng đến 449/140 Nguyễn Thị Sáng Tổ nhân dân 22	173 178	Áp 45	351	
46	Áp 6 (Tổ 23)	Tổ nhân dân 23	350	Áp 46	350	
47	Áp 6 (Tổ 24, 25, một phần tổ 11)	Tổ nhân dân 24 Tổ nhân dân 25 Một phần Tổ 11 (Từ 110 Huỳnh Thị Nam đến giáp số 9/2 Nguyễn Thị Sáng	110 128 115	Áp 47	353	
48	Áp 6 (Một phần tổ 11, tổ 20, 6)	Một phần Tổ 11 (Từ số 9/2 Nguyễn Thị Sáng tới bờ kênh Trần Quang Cơ Tổ nhân dân 20 Tổ nhân dân 6	92 158 102	Áp 48	352	
49	Áp 6 (Tổ 4, 5, 19)	Tổ nhân dân 4 Tổ nhân dân 5	91 174	Áp 49	351	

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Tổ nhân dân 19	86			
50	Áp 6 (Tổ 2, 15, 16)	Tổ nhân dân 2	124	Áp 50	352	
		Tổ nhân dân 15	117			
		Tổ nhân dân 16	111			
51	Áp 6 (Tổ 14, 2)	Tổ nhân dân 14	311	Áp 51	351	
		Tổ nhân dân 2	40			
52	Áp 6 (Tổ 9, 10, tổ 1 (áp 1))	Tổ nhân dân 9	198	Áp 52	352	
		Tổ nhân dân 10	125			
		một phần tổ 1 (Áp 1) (khu lò bò cuối hẻm ĐT 176 (Hẻm nhánh đường Huỳnh Thị Na)	29			
53	Áp 7 (Tổ 11, 9, 3, 5)	Tổ nhân dân 11	77	Áp 53	353	
		Tổ nhân dân 9	119			
		Tổ nhân dân 3	51			
		Tổ nhân dân 5	106			
54	Áp 7 (Tổ 7, 8, 13, 14)	Tổ nhân dân 7	126	Áp 54	352	
		Tổ nhân dân 8	77			
		Tổ nhân dân 13	79			
		Tổ nhân dân 14	70			
55	Áp 7 (Tổ 1, 4, 6, 10, khu 2)	Tổ nhân dân 1	65	Áp 55	351	
		Tổ nhân dân 4	57			
		Tổ nhân dân 6	58			
		Tổ nhân dân 10	37			
		Khu 2	134			

STT	Thực hiện sắp xếp			Sau khi sắp xếp		Ghi chú
	Tên Khu phố/Áp cũ	Tổ/Block/ ô khu vực	Số hộ gia đình	Tên Khu phố/Áp mới	Số hộ gia đình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
56	Áp 7 (Tổ 2, 12, khu 3)	Tổ nhân dân 2	43	Áp 56	352	
		Tổ nhân dân 12	55			
		Khu 3	254			
12. Xã Nhị Bình						
1	Áp 1 (Tổ nhân dân 10, Tổ nhân dân 9)	Tổ nhân dân 10	149	Áp 1	356	
		Tổ nhân dân 9	207			
2	Áp 1 (Tổ nhân dân 6, Tổ nhân dân 7, Tổ nhân dân 8)	Tổ nhân dân 6	102	Áp 2	357	
		Tổ nhân dân 7	125			
		Tổ nhân dân 8	130			
3	Áp 1 (Tổ nhân dân 4, tổ nhân dân 5, một phần tổ nhân dân 11)	Tổ nhân dân 4	121	Áp 3	356	
		Tổ nhân dân 5	138			
		Một phần Tổ nhân dân 11	97			
4	Áp 1 (Một phần tổ 2, một phần tổ 11, tổ nhân dân 12, Tổ nhân dân 13)	Một phần Tổ nhân dân 2	7	Áp 4	359	
		Một phần Tổ 11	82			
		Tổ nhân dân phân dân 12	135			
		Tổ nhân dân 13	135			
5	Áp 1 (Một phần tổ nhân dân 1, một phần tổ nhân dân 2, tổ nhân dân 3)	Một phần Tổ nhân dân 1	89	Áp 5	353	
		Một phần Tổ nhân dân 2	135			
		Tổ nhân dân 3	129			
6	Áp 4 (Một phần tổ nhân dân 1 áp 1 + một phần	Một phần Tổ nhân dân 1 áp 1	89	Áp 6	361	